

## NGÔN NGỮ DÂN TỘC CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á TRƯỚC SỰ THÁCH THỨC CỦA TIẾNG ANH HIỆN NAY

Phú Văn Hãn(\*)

Trong thời đại ngày nay, sự ảnh hưởng và thâm nhập lẫn nhau không chỉ diễn ra trong phạm vi kinh tế, sự chuyển giao công nghệ và kỹ thuật v.v... mà cả trong phạm vi văn hoá và ngôn ngữ. Trong điều kiện giao lưu quốc tế rộng rãi giữa các quốc gia đem lại cho ngôn ngữ mỗi dân tộc những phát triển mới. Song, nó cũng đồng thời rung lên hồi chuông cảnh tỉnh về “sự ô nhiễm môi trường ngôn ngữ dân tộc”.

Việt Nam và các nước đang phát triển đang bị lôi cuốn mạnh mẽ vào quá trình công nghiệp mới thì ngôn ngữ dân tộc đã và đang có những cuộc “cạnh tranh” khi âm thầm, khi quyết liệt giữa ngôn ngữ của các dân tộc trong cùng một quốc gia đa tộc, đa ngữ; hoặc giữa ngôn ngữ quốc gia với ngôn ngữ quốc tế.

Tiếng Anh đã và đang có vai trò to lớn ở tất cả các nước Đông Nam Á. Tiếng Anh là ngoại ngữ số một ở Indonesia, được đặt ngang hàng với ngôn ngữ quốc gia ở các nước như Malaysia, Philippin, Singapore và Brunei. Các nước Thái Lan, Miến Điện, Lào và Campuchia cũng chọn tiếng Anh là ngoại ngữ chính để giao tiếp với bên ngoài.

Ở Việt Nam, bên cạnh sự phát triển không ngừng của Tiếng Việt, tiếng Anh ngày càng có vị trí quan trọng. Chính sách “mở cửa” ngày càng đẩy mạnh thì uy tín của tiếng Anh ở Việt Nam vẫn luôn được đề cao. Người biết tiếng Anh dễ dàng kiếm được việc làm do có giá trị hữu dụng của nó.

Có thể do bị kìm hãm lâu dài trong các thời thuộc địa trước đây nên ngôn ngữ dân tộc ở các quốc gia Đông Nam Á đã thiếu đi những tiềm chất xã hội ngôn ngữ học, thiếu đi thuật ngữ khoa học cần và đủ, trong khi đó tiếng Anh có ưu điểm nắm bắt nhanh chóng các thông tin về kiến thức khoa học - kỹ thuật tiên tiến hiện nay.

Việc sử dụng tiếng Anh tại các quốc gia Đông Nam Á không giống nhau. Các nhà lãnh đạo Singapore thừa nhận vai trò của tiếng Anh cùng với quá trình phát triển công nghệ cao tại đất nước này. Tiếng Anh ở Singapore được đẩy mạnh trong hệ thống giáo dục, nhằm đào tạo một nguồn nhân lực có năng lực đáp ứng được đòi hỏi của thị trường và thu hút đầu tư nước ngoài.

Ở Philippin, do tiếng Tagalog không phải là tiếng bản địa (mẹ đẻ) của đa số dân, nên khi nó được chọn là quốc ngữ (tiếng Pilipino) thì đã có nhiều ý kiến

(\*) Tiến sĩ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

chống đối từ phía các dân tộc nói các ngôn ngữ khác. Cuộc bút chiến chống lại tiếng Pilipino mà do các nhà chính trị và nhà báo khởi xướng từ những năm 60 và trở nên quyết liệt trong thời kỳ thảo luận hiến pháp (1971-1972). Để giải quyết vấn đề thống nhất quốc gia, chính phủ Philippin phải cho phép sử dụng một bản ngữ và tiếng Anh với tư cách như một ngôn ngữ quốc gia. Tiếng Anh ở đây luôn chú trọng đến việc đảm bảo việc thông tin trong cả nước và sự thống nhất tiếng Pilipino nhằm giáo dục các giá trị truyền thống về đạo đức, văn hóa và xã hội ở Philippin.

Ở Malaysia, sau khi độc lập (1957), tiếng Melayu được công bố là ngôn ngữ quốc gia, những người không phải là người Melayu, đặc biệt là cộng đồng người Hoa (orang Cina) và người Ấn (orang India) đã tỏ ra bất bình, dẫn tới thảm kịch mang tính dân tộc chủ nghĩa lớn nhất trong lịch sử đất nước Malaysia đã nổ ra vào ngày 13 tháng 5 năm 1969. Khi thảo luận hiến pháp tháng 2 năm 1971, các đảng phái đối lập của người Hoa và người India đòi trao cho tiếng Hoa (của cộng đồng Cina) và tiếng Tamil (của cộng đồng Ấn) quy chế ngôn ngữ ngang hàng với tiếng Melayu và tiếng Anh. Họ ủng hộ thuyết đa nguyên ngôn ngữ đang được áp dụng ở Singapore láng giềng trong thời điểm đó. Chính phủ Malaysia đã cố gắng tránh những biện pháp cực đoan khi tiến hành các hoạt động ngôn ngữ. Trong hoàn cảnh như vậy, sự tồn tại chế độ song ngữ hay đa ngữ vẫn giữ vai trò quan trọng hơn đối với sự phát triển quốc gia. Và như thế, tiếng Anh ở nước này trở thành ngôn ngữ đóng vai trò cố kết các cộng đồng.

Trong thời gian vừa qua, các thành viên trong khối ASEAN chủ yếu trao đổi với nhau bằng tiếng Anh. Như vậy tiếng Anh đảm bảo cho sự phát triển đất nước, củng cố khối đoàn kết dân tộc, tiếng Anh là quyền lợi của mỗi công dân. Các nước Đông Nam Á đã tạo mọi điều kiện để phát triển và truyền bá tiếng Anh. Các khóa học tiếng Anh được tổ chức khắp nơi.

Tiếng Anh được dạy trên truyền hình, các sách hội thoại, sách tự học tiếng Anh được xuất bản trong nước và được nhập vào ngày càng nhiều, các sinh viên, chuyên viên được gửi đi đào tạo ở các nước nói tiếng Anh ngày càng tăng...

Việc sử dụng tiếng Anh cũng đặt ra cho các nước Đông Nam Á một số vấn đề phức tạp. Như chúng ta đã biết, ngôn ngữ ngoài chức năng biểu đạt tư tưởng còn là một kho tư tưởng và tình cảm. Trong những tình huống nhất định, nó có thể hình thành chính tư tưởng. Khi dùng tiếng Anh, các quốc gia Đông Nam Á đã tiếp xúc với các nền văn hóa khác. Vậy làm thế nào vừa sử dụng tiếng Anh để phát triển đất nước vừa vẫn giữ được nguyên vẹn bản sắc dân tộc? Nếu dùng luật pháp để ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa phương Tây thông qua tiếng Anh thì không dễ dàng thực hiện. Còn chấp nhận một ngôn ngữ cũng có nghĩa là đồng thời chấp nhận nền văn hóa (bao gồm cả cái tốt và cái xấu). Làm sao có thể chặn đứng được sự ảnh hưởng văn hóa một cách tự nhiên của ngôn ngữ. Malaysia và Singapore đã khắc phục tình hình này bằng cách đề cao nền văn hóa địa phương trong các chương trình dạy tiếng Anh, dù tiếng Anh đó là ngôn ngữ quốc gia thứ nhất, thứ hai hay là ngoại ngữ. Cách làm này đã nâng cao vị trí quốc gia và bản sắc dân tộc so với văn hóa phương Tây.

Tình trạng lệch chuẩn ngôn ngữ của những người học và nói tiếng Anh đã và đang diễn ra tại các quốc gia Đông Nam Á. Người ta thấy ở Philippin có một thứ tiếng Anh đã bị địa phương hóa gọi là "Taglish", tức là một loại ngôn ngữ pha tạp giữa tiếng Anh và tiếng Tagalog. Ở Singapore có thứ tiếng Anh được gọi là "Singlish", ở Malaysia có "Malaylish"... và Vietlish cũng đã và đang phát triển ngày càng mạnh ở Việt Nam.

Các nhà nghiên cứu văn hóa – xã hội đều nhận thấy ở Đông Nam Á đang hình thành một thứ tiếng Anh mới, đó là

tiếng Anh Đông Nam Á. Đây không phải là một loại ngôn ngữ nghèo nàn bắt chước tiếng Anh. Nó là một hình thức tăng thêm nguồn sức sống mới, phản ánh năng lực sáng tạo của những người sử dụng tiếng Anh ở khu vực ASEAN này. Nó cũng được dự đoán là sẽ được chấp nhận như tiếng Anh Ấn Độ, nó được bản xứ hóa mạnh mẽ nhưng khi dùng để trao đổi thế giới bên ngoài vẫn hiểu được.

### Vai trò của ngôn ngữ

Ngôn ngữ có vai trò rất mạnh mẽ trong quá trình phát triển, là nhân tố quyết định đảm bảo sự ổn định và tiến bộ của một quốc gia. Ngôn ngữ tại các nước tiên tiến như Anh, Pháp, Mỹ và Nhật Bản... hỗ trợ mạnh mẽ cho quá trình phát triển của quốc gia. Các nhà lãnh đạo thấy tầm quan trọng của ngôn ngữ đối với sự phát triển và sức đề kháng của một quốc gia. Vấn đề ngôn ngữ được gắn với phẩm giá của quốc gia và dân tộc, và là công cụ để cố kết xã hội của nhiều dân tộc ở Đông Nam Á. Tình hình thế giới thay đổi đã đặt ngôn ngữ ở vị trí quan trọng. Công cuộc công nghiệp hóa đất nước đã nâng cao vai trò của ngôn ngữ như là chất xúc tác cho sự phát triển kinh tế và nâng cao thanh thế của quốc gia.

Ở khu vực Đông Nam Á, vai trò của ngôn ngữ đáng được đẩy mạnh hơn nữa công việc nghiên cứu để sớm có thể đánh giá lại quá trình phát triển. Các nước ở vùng Đông Nam Á (trừ Thái Lan) đều đã trải thời kỳ thuộc địa của các nước châu Âu và Nhật Bản. Chế độ thực dân đã để lại dấu vết sâu sắc trên lĩnh vực chính trị – xã hội cũng như xã hội của các nước này. Thực dân Anh đã cai trị trong thời gian khoảng 100 đến 150 năm tại Miến Điện, đất Melayu (Malaysia, Singapore), Pháp thống trị các nước ở bán đảo Đông Dương (Việt Nam, Lào và Campuchia), Hà Lan cai trị Indonesia; Tây Ban Nha và sau đó là Mỹ thống trị đất Philippin. Nhật Bản cũng đã từng chiếm hầu hết vùng Đông Nam Á. Sự đô hộ của ngoại bang đã hình thành một cộng đồng đa dân tộc ở Đông

Nam Á này, người bản địa phải tiếp nhận dân di cư Trung Hoa và Ấn Độ, đồng thời cũng nảy sinh luôn vấn đề ngôn ngữ.

Tình hình xã hội đa dân tộc đã buộc chính quyền ở mỗi nước đặt tiếng mẹ đẻ lên vị trí là ngôn ngữ chính thức, phục vụ cho việc quản lý nhà nước và cố kết xã hội. Việc sử dụng ngôn ngữ chính ở mỗi quốc gia được thể chế hóa bằng pháp luật Nhà nước. Vì tính đa dạng của xã hội, văn hóa cũng như sắc tộc ở vùng này, nên việc thực hiện quá trình thống nhất và cố kết lại cộng đồng tương đối phức tạp, ảnh hưởng tới quá trình thống nhất quốc gia.

Các nước Đông Nam Á trong những năm 1950-1965 còn tranh luận nhiều ý kiến xung quanh cơ sở ngôn ngữ mà họ muốn thực hiện. Từ những năm 1965 về sau, các nước độc lập tại khu vực này đã chính thức bảo vệ tiếng dân tộc của mình. Cơ sở hoạt động ngôn ngữ ở khu vực Đông Nam Á như ở Singapore, Indonesia, Malaysia và Philippin cho thấy: một là có quốc gia quá coi trọng đến vị trí và việc sử dụng ngôn ngữ quốc gia (ngôn ngữ dân tộc) nghĩa là một cách gián tiếp giảm ý nghĩa quan trọng của ngoại ngữ và thứ hai là có quốc gia coi trọng ngoại ngữ, nghĩa là chỉ đặt ngôn ngữ quốc gia ở vị trí văn hóa và có tính tượng trưng thôi. Nước Malaysia và Indonesia thuộc loại thứ nhất, Philippin và Singapore thuộc loại thứ hai. Việt Nam và một số nước khác thì có lúc đặt mình ở vị trí thứ nhất, có lúc đặt mình vào vị trí thứ hai hoặc nằm giữa hai vị trí đó.

Tổ chức có ảnh hưởng nhất ở vùng Đông Nam Á là ASEAN thành lập vào năm 1967 nhằm thực hiện quan hệ anh em trong vùng trên các lĩnh vực xã hội, văn hóa và kinh tế. ASEAN có nhiều ưu thế trở thành một khu vực công nghiệp lớn nhất thế giới. Trong đó chủ yếu là ổn định chính trị, bầu không khí kinh tế tốt, có nền văn hóa đa dạng, có tự do tín ngưỡng, và chăm lo ngôn ngữ địa phương thông qua pháp luật.

Những biến đổi xã hội như cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật, những phát triển về công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá... tác động đến ngôn ngữ đã và đang thử thách đối với những quốc gia đang phát triển. Ngày nay trước yêu cầu của sự nghiệp phát triển giáo dục tại các quốc gia đa tộc, đa ngôn ngữ thì vấn đề sử dụng ngôn ngữ nào làm ngôn ngữ giảng dạy và học tập thường gặp nhiều phức tạp.

Trong bối cảnh đa dạng hiện nay, sự cần thiết của mỗi quốc gia độc lập là phải xây dựng chính sách ngôn ngữ, bảo đảm cho ngôn ngữ quốc gia và các ngôn ngữ trong quốc gia đa tộc được phát triển đúng đắn, đáp ứng những nhu cầu mới của xã hội hiện đại và sự giao lưu quốc tế rộng rãi, song không làm mất đi bản sắc của dân tộc. Việt Nam, cần thiết phải rút ra những kinh nghiệm quý báu của nhiều nước đã trải qua trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá để làm sao có thể bảo đảm sự tồn tại và phát triển bền vững ngôn ngữ dân tộc - di sản quý báu nhất, lâu đời nhất.

Thế kỷ 21 ở Đông Nam Á, cho dù có một thứ tiếng khác được phổ biến, ví dụ như tiếng Anh, tiếng Trung quốc, tiếng Nhật hay tiếng Melayu... thì tiếng Việt vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc tạo lập những “cơ sở hạ tầng” của sự phát triển kinh tế, bảo tồn và phát triển các di sản tinh thần của cộng đồng Việt Nam. Cũng như ở Malaysia, Indonesia, Brunei, kể cả Singapore, tiếng Melayu vẫn tiếp tục có vai trò tích cực trong việc phổ biến kiến thức và là phương tiện thống nhất quốc gia. Còn ở Thái Lan thì có tiếng Thái, ở Campuchia có tiếng Khmer, ở Lào có tiếng Lào...

### **Kết luận:**

Chính sách ngôn ngữ của các nước đang phát triển ở các quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ thường gắn liền với những vấn đề chính trị - xã hội của các

tộc người, trong đó việc chọn ngôn ngữ quốc gia thường dễ vấp phải những “xung đột” bởi những tranh giành ảnh hưởng quyền lực giữa các ngôn ngữ. Chính sách ngôn ngữ cũng có thể thay đổi tùy theo sự “ứng xử” của nhà nước trước các yêu cầu phát triển xã hội nhằm đạt tới những hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ trong từng giai đoạn phát triển cụ thể.

Trong điều kiện của một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ như ở Việt Nam, chính sách ngôn ngữ là một phần của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, nó góp phần tích cực thực hiện chính sách dân tộc và các chính sách xã hội khác. Chính sách ngôn ngữ bảo đảm quyền có ngôn ngữ riêng của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam, thừa nhận quyền bình đẳng và sự phát triển tự do của các ngôn ngữ dân tộc thiểu số, tạo điều kiện thuận lợi cho tiếng nói và chữ viết của dân tộc thiểu số phát triển trong đời sống và trong các lĩnh vực hoạt động xã hội, khuyến khích các dân tộc thiểu số học tiếng Việt (phổ thông) trên nguyên tắc tự nguyện và tôn trọng sự phát triển tự do, bình đẳng, tạo ra các trạng thái song ngữ dân tộc - Việt, đưa tiếng Việt thành ngôn ngữ chung giữa các dân tộc (ngôn ngữ quốc gia), phương tiện đoàn kết, củng cố khối thống nhất các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam. Song song với quá trình đề cao tiếng dân tộc cũng không được xem nhẹ tiếng Anh và các ngôn ngữ quốc tế khác vì chính các ngôn ngữ này sẽ cùng với dân tộc hội nhập vào quốc tế một cách chủ động và hiệu quả.

Chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam phải được dựa trên cơ sở kinh tế - xã hội, bởi vì nó có quan hệ tác động lẫn nhau với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Song trong việc phát triển của nền kinh tế thị trường, sự phát triển chậm về kinh tế - xã hội của một số vùng sâu, vùng xa đặc biệt là nạn thất học và “mù chữ” trở lại, đã có nguy cơ đe dọa sự tồn tại của một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Đây cũng là vấn đề cấp

bách của việc giữ gìn và bảo tồn văn hóa các dân tộc Việt Nam.

Phát triển ngôn ngữ quốc gia trong mối tương quan với sự phát triển của các ngôn ngữ dân tộc và những biện pháp để thực thi các quá trình đó là hai phương diện đáng lưu ý trong chính sách ngôn ngữ ở một quốc gia đa dân tộc. Nói một cách khác: Một mặt là cần quan tâm đến các chiến lược của sự phát triển các chức năng xã hội của ngôn ngữ quốc gia và ngôn ngữ các dân tộc (vĩ mô); mặt khác đó là những kế hoạch cụ thể được xác định bởi mục tiêu của từng thời kỳ (vi mô).

Tích cực xây dựng một chính sách ngôn ngữ phù hợp sẽ tạo cơ hội tốt nhất cho các ngôn ngữ ở Việt Nam phát triển, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang diễn ra ở Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Chiến (1992), Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, Hà Nội.
2. Mai Ngọc Chừ (1998), Văn hóa Đông Nam Á, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 245 trang.
3. Mai Ngọc Chừ chủ biên (2001.b), Các ngôn ngữ phương đông (Nhật, Hàn, Hán, Melayu, Thái Lan), Nxb

Đại học Quốc gia, Hà Nội, 587 trang (Chương V, tr.413-517).

4. Phú Văn Hãn (1995), "Tiếng Melayu sẽ trở thành ngôn ngữ quốc tế", Đông Nam Á ngày nay, Open University, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Phú Văn Hãn (2001), "Tiếng Melayu ở khu vực Đông Nam Á", Khoa học xã hội, (2), tr. 87-91.
6. Đoàn Văn Phúc (2001), "Giáo dục ngôn ngữ trong trường học ở Indônêxia", Nghiên cứu Đông Nam Á (2), tr. 49-58.
7. Bùi Khánh Thế (1997), "Đông Nam Á và các vấn đề ngôn ngữ học khu vực", Tập san khoa học xã hội và Nhân văn (4), Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Nguyễn Duy Thiệu (1997), Các dân tộc ở Đông Nam Á, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 338 trang.
9. Nguyễn Thị Vân (2002), Bối cảnh và chính sách ngôn ngữ ở Malaysia, Nxb ĐHQG Hà Nội, 169 trang.
10. Viện TTKHXXH, Ngôn ngữ trong xã hội công nghiệp hóa, TTKHXXH, Hà Nội 1996.
11. Viện TTKHXXH, Xây dựng và phát triển các ngôn ngữ quốc gia, TTKHXXH, Hà Nội 1998.
12. Viện TTKHXXH, Chuẩn hóa và phong cách ngôn ngữ quốc gia, TTKHXXH, Hà Nội 2000.

#### TÓM TẮT

Tích cực xây dựng một chính sách ngôn ngữ phù hợp sẽ tạo cơ hội tốt nhất cho các ngôn ngữ ở Việt Nam phát triển, góp phần tích cực nhất vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra ở Việt Nam.

#### SUMMARY

Positive construction of a suitable policy on languages will bring in the best opportunities for various languages in Vietnam to develop, which will take the most active part in the current industrialization and modernization of the country.